

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2215.../QĐ-ĐHTM ngày 11 tháng 12 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế - IPOPOP) <i>Event and Entertainment Management (International Profession Oriented Program - IPOPOP)</i>
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Mã ngành:	7810103
Chuyên ngành đào tạo:	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt và Tiếng Anh

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- *Mục tiêu chung:* Chương trình đào tạo Cử nhân Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí (Chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế) nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm xã hội; có kiến thức liên ngành về kinh tế - kinh doanh và kiến thức chuyên sâu, toàn diện về ngành sự kiện và dịch vụ giải trí. Chương trình tập trung phát triển kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, năng lực số gắn liền với ngành và khả năng sử dụng tiếng Anh lưu loát trong môi trường làm việc quốc tế. Người học sau khi tốt nghiệp có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, khả năng thích ứng cao, đủ sức cạnh tranh trên thị trường lao động để nhanh chóng đảm nhận các vị trí quản lý, điều hành hoặc tự tin khởi sự kinh doanh trong lĩnh vực sự kiện và dịch vụ giải trí.

- *Mục tiêu cụ thể:*

Vận dụng sáng tạo kiến thức liên ngành về kinh tế - kinh doanh, kiến thức chuyên sâu, hiện đại về ngành sự kiện và dịch vụ giải trí và năng lực số để phân tích, đánh giá và hoạch định các chiến lược, kế hoạch kinh doanh hiệu quả trong môi trường kinh doanh biến động và hội nhập quốc tế.

Thực hiện thành thạo các kỹ năng chuyên môn cốt lõi để đáp ứng các vị trí việc làm trong lĩnh vực sự kiện và dịch vụ giải trí từ xây dựng ý tưởng, lập kế hoạch, quản lý sản xuất, marketing và truyền thông, quản lý hậu cần và rủi ro, điều phối và quản trị vận hành cho đa dạng các loại hình doanh nghiệp sự kiện và dịch vụ giải trí.

Giao tiếp và làm việc hiệu quả bằng tiếng Anh trong môi trường quốc tế; ứng dụng năng lực số và tư duy sáng tạo để giải quyết các vấn đề phức tạp; có đủ năng lực dẫn dắt và khởi sự kinh doanh trong lĩnh vực liên quan.

Thể hiện tác phong chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm và đáp ứng được các chuẩn mực đạo đức trong công việc và trong ứng dụng công nghệ số của nhà quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí; có năng lực làm việc độc lập và hợp tác hiệu quả trong môi

trường đa văn hóa; có ý thức và khả năng học tập suốt đời để thích ứng với sự biến động của ngành.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. yêu cầu về kiến thức

(PLO1): Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị và pháp luật vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

(PLO2): Phân tích được các nguyên lý về kinh tế và quản trị kinh doanh; các kiến thức nền tảng và liên ngành trong kinh doanh sự kiện và dịch vụ giải trí.

(PLO3): Phân tích được các kiến thức chuyên sâu và hiện đại về quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí;

(PLO4): Vận dụng công nghệ số vào thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sự kiện và dịch vụ giải trí trong môi trường kinh doanh biến động và hội nhập quốc tế.

2.2. Yêu cầu về kỹ năng

(PLO5): Thực hiện thành thực kỹ năng tác nghiệp các nghiệp vụ tổ chức sự kiện và dịch vụ giải trí.

(PLO6): Thực hiện được kỹ năng quản trị tác nghiệp tổ chức sự kiện và dịch vụ giải trí (lập kế hoạch, triển khai thực hiện kế hoạch, quản lý các nguồn lực, đánh giá hiệu quả kinh doanh) và có khả năng dẫn dắt khởi sự kinh doanh trong lĩnh vực tổ chức sự kiện và dịch vụ giải trí.

(PLO7): Thực hiện tốt kỹ năng liên quan đến chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo, năng lực nghiên cứu và phân biện, sử dụng giải pháp để giải quyết các vấn đề phát sinh phức tạp trong kinh doanh sự kiện và dịch vụ giải trí.

2.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

(PLO8): Có ý thức kỷ luật cao, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức trong công việc và trong ứng dụng công nghệ số của nhà quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí.

(PLO9): Có khả năng tự chủ, làm việc độc lập sáng tạo và làm việc theo nhóm hiệu quả trong môi trường áp lực cao.

(PLO10): Có trách nhiệm với việc thực hiện nhiệm vụ được phân công, với cộng đồng và xã hội.

2.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

(PLO11): Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên chương trình định hướng chuyên sâu nghề nghiệp quốc tế trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

(PLO12): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

4. Đối tượng tuyển sinh

Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học

- Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, người học phải đạt chuẩn đầu vào tiếng Anh trình độ bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Trong trường hợp chưa đạt được trình độ bậc 2 tiếng Anh, người học sẽ phải học chương trình tiếng Anh bổ sung theo quy định của Trường.

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

Bước 1. Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

Bước 2. Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trưởng Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Bước 3. Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

Bước 4. Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

Bước 5. Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

6. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

7. Nội dung chương trình đào tạo

7.1. Khung chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã học phần	Ngôn ngữ giảng dạy	Số TC	Cấu trúc
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			48	
1.1	Giáo dục đại cương			37	
1.1.1	Các học phần bắt buộc			34	
1	Triết học Mác - Lê Nin Phylosophy of Maxism – Leninism	MLNP0221	Tiếng Việt	3	36,18
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political economics of Maxism - Leninism	RLCP1211	Tiếng Việt	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	HCM10111	Tiếng Việt	2	24,12
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	HCM10611	Tiếng Việt	2	21,18
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	HCM10121	Tiếng Việt	2	24,12
6	Pháp luật đại cương Introduction to Laws	TLAW0111	Tiếng việt	2	24,12
7	Tiếng Anh tăng cường 1.1 Intensive English 1.1	ENPR7011	Tiếng Anh	4	48,24
8	Tiếng Anh tăng cường 1.2 Intensive English 1.2	ENPR7111	Tiếng Anh	4	48,24
9	Tiếng Anh nâng cao 1.1 Advanced English 1.1	ENTI3111	Tiếng Anh	5	60,30
10	Tiếng Anh nâng cao 1.2 Advanced English 1.2	ENTI3211	Tiếng Anh	5	60,30
11	Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản Information Technology Foundation	INFO3511	Tiếng Việt	3	36,18
1.1.2	Các học phần tự chọn			3	
	<i>Chọn 03 TC trong các HP sau:</i>				
1	Kinh tế lượng Econometrics	AMAT0411	Tiếng Việt	3	36,18
2	Giao tiếp trong kinh doanh Communication in business	EPIN0111	Tiếng Việt	3	0,90

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã học phần	Ngôn ngữ giảng dạy	Số TC	Cấu trúc
1.2	Giáo dục thể chất			3	
1.2.1	Các học phần bắt buộc			1	
	Giáo dục thể chất chung Physical Education	GDTC1611	Tiếng Việt	1	12,18
1.2.2	Các học phần tự chọn			2	
	<i>Chọn 02 TC trong các HP sau:</i>				
1	Cầu lông Badminton	GDTC0521	Tiếng Việt	1	12,18
2	Bóng chuyền Volleyball	GDTC0621	Tiếng Việt	1	12,18
3	Bóng ném Handball	GDTC0721	Tiếng Việt	1	12,18
4	Bóng bàn Table tennis	GDTC1621	Tiếng Việt	1	12,18
5	Cờ vua Chess	GDTC1721	Tiếng Việt	1	12,18
6	Bóng rổ Basketball	GDTC0821	Tiếng Việt	1	12,18
7	Thể dục thẩm mỹ 1 Aerobics 1	GDTC1811	Tiếng Việt	1	12,18
8	Thể dục thẩm mỹ 2 Aerobics 2	GDTC1911	Tiếng Việt	1	12,18
9	Cờ vua Chess	GDTC0921	Tiếng Việt	2	24,36
1.3	Giáo dục Quốc phòng – An ninh Military Education			8	
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			83	
2.1	Kiến thức liên ngành			43	
2.1.1	Các học phần bắt buộc			28	
1	Kinh tế học Economics	MIEC1031	Tiếng Anh	3	36,18
2	Chuyển đổi số trong kinh doanh Digital Transformation in Business	PCOM1111	Tiếng Việt	2	24,12
3	Thực tập nghề nghiệp Internship	KSDL2161	Tiếng Việt	2	0,60
4	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh Artificial Intelligence for Business	INFO6011	Tiếng Việt	3	15,60
5	Quản trị học Fundamentals of Management	BMGM0531	Tiếng Anh	3	36,18
6	Marketing căn bản Principles of Marketing	BMKT3231	Tiếng Anh	3	36,18

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã học phần	Ngôn ngữ giảng dạy	Số TC	Cấu trúc
7	Nguyên lý quản trị nhân lực Principles of Human Resource Management	HRMG2531	Tiếng Anh	3	36,18
8	Nguyên lý kế toán Principles of Accounting	ACCP0231	Tiếng Anh	3	36,18
9	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính Money, Banking and Financial Market	EFIN2812	Tiếng Anh	3	36,18
10	Khởi sự kinh doanh Entrepreneurship	EPIN0211	Tiếng Việt	3	36,18
2.1.2	Các học phần tự chọn			15	
	<i>Chọn 15 TC trong các HP sau:</i>				
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific Research Methodology	SCRE0211	Tiếng Việt	3	36,18
2	Quản trị dịch vụ Service Management	TEMG2911	Tiếng Việt	3	36,18
3	Luật kinh tế 1 Economic law 1	PLAW0321	Tiếng Việt	3	36,18
4	Kinh doanh quốc tế International Business	ITOM1311	Tiếng Việt	3	36,18
5	Lý thuyết kinh tế số Theory of digital economics	DECO1011	Tiếng Việt	3	36,18
6	Cơ sở văn hóa Việt Nam Basic Vietnamese Culture	TMKT4511	Tiếng Việt	3	36,18
7	Tài nguyên du lịch Tourism Resources	TMKT4811	Tiếng Việt	3	36,18
8	Quản trị lễ tân khách sạn Hotel Front Office Management	TSMG3511	Tiếng Việt	3	36,18
9	Văn hóa du lịch Cultural Tourism	TMKT4911	Tiếng Việt	3	36,18
10	Du lịch bền vững Sustainable Tourism	TEMG3911	Tiếng Việt	3	36,18
2.2	Kiến thức ngành			15	
2.2.1	Các học phần bắt buộc			9	
1	Tổng quan về sự kiện và dịch vụ giải trí Introduction to Event and Entertainment Services	TMKT5131	Tiếng Anh	3	36,18
2	Marketing sự kiện Event Marketing	TMKT5231	Tiếng Anh	3	36,18
3	Kinh tế du lịch Tourism Economics	TEMG3731	Tiếng Anh	3	36,18
2.2.2	Các học phần tự chọn				
	<i>Chọn 6 TC trong các HP sau:</i>			6	
1	Quản trị công viên chủ đề	TSMG4211	Tiếng Việt	3	36,18

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã học phần	Ngôn ngữ giảng dạy	Số TC	Cấu trúc
	Theme Park Management				
2	Quản trị lễ hội và sự kiện văn hóa Festival and Cultural Event Management	TMKT5011	Tiếng Việt	3	36,18
3	Hướng dẫn du lịch Tour Guiding	TMKT5331	Tiếng Anh	3	36,18
4	Quản trị sự kiện thể thao Sport Event Management	TSMG4311	Tiếng Việt	3	36,18
2.3	Kiến thức chuyên ngành			15	
1	Quản trị dịch vụ giải trí Entertainment Service Management	TSMG4431	Tiếng Anh	3	36,18
2	Tổ chức sự kiện Event Operations Management	TMKT4711	Tiếng Việt	3	36,18
3	Thực tập nghiệp vụ tổ chức sự kiện và dịch vụ giải trí Event and Entertainment Operation Practice	KSDL2261	Tiếng Việt	4	0,120
4	Thực tập quản trị tác nghiệp sự kiện và dịch vụ giải trí Event and Entertainment Operation Management Practice	KSDL2361	Tiếng Việt	5	0,150
2.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học			10	
1	Thực tập và viết Báo cáo dự án nhóm Internship Project Report	REPB2811	Tiếng Việt/ Tiếng Anh	3	0,90
2	Thực tập và viết Luận văn tốt nghiệp Graduation Thesis	LVVB2911	Tiếng Việt/ Tiếng Anh	7	0,210

Ghi chú:

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ, bao gồm 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp (trong đó có 96 tín chỉ học phần bắt buộc (80%), 24 tín chỉ học phần tự chọn (20%) và 11 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh. Chương trình đào tạo có 33 tín chỉ học phần chuyên môn giảng dạy bằng Tiếng Anh (40%) trong tổng số tín chỉ Khối Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp.

7.2. Mô tả các học phần (xem phụ lục)

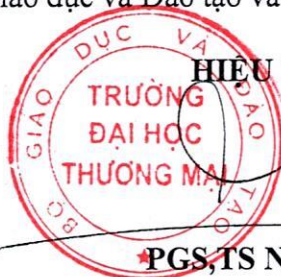
8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	KỲ HỌC	HỌC PHẦN	SỐ TC
1	Kỳ 1	Kiến thức giáo dục đại cương	9
		Kiến thức liên ngành	3
		GDTC	1
2	Kỳ 2	Kiến thức giáo dục đại cương	9
		Kiến thức liên ngành	6
		GDTC	1
	Kỳ hè năm thứ nhất	GDQP-AN	8

TT	KỲ HỌC	HỌC PHẦN	SỐ TC
3	Kỳ 3	Kiến thức giáo dục đại cương	6
		Kiến thức liên ngành	9
		GDTC	1
4	Kỳ 4	Kiến thức giáo dục đại cương	7
		Kiến thức liên ngành	11
5	Kỳ 5	Kiến thức giáo dục đại cương (HP LLCT)	3
		Kiến thức liên ngành	7
		Kiến thức ngành	6
		Kiến thức chuyên ngành	3
6	Kỳ 6	Kiến thức giáo dục đại cương (HP LLCT)	3
		Kiến thức liên ngành	7
		Kiến thức ngành	3
		Kiến thức chuyên ngành	3
7	Kỳ 7	Kiến thức ngành	6
		Kiến thức chuyên ngành	9
8	Kỳ 8	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10
Tổng cộng			131

Lưu ý:

- Căn cứ vào điều kiện thực tế, Nhà trường có thể điều chỉnh kế hoạch thực hiện CTĐT;
- Các học phần thực hành/thực tế có thể được tổ chức học tập vào kỳ hè năm thứ 2, năm thứ 3;
- Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

PGS,TS Nguyễn Hoàng

PGS,TS Nguyễn Viết Thái

PHỤ LỤC MÔ TẢ HỌC PHẦN

Triết học Mác - Lê Nin (Phylosophy of Maxism – Leninism MLNP0221): Học gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin (Political economics of Maxism – Leninism RLCP1211): Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology HCMI0111): Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party HCMI0611): Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism HCMI0121): Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Pháp luật đại cương (Introduction to Laws TLAW0111): Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối

tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

Tiếng Anh tăng cường 1.1 (Intensive English 1.1 ENPR7011): Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm các mối quan hệ, kể chuyện, khoa học và công nghệ, nghệ thuật và sáng tạo, phát triển, du lịch. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh tăng cường 1.2 (Intensive English 1.2 ENPR7111): Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm tập quán và hành vi, sự hy vọng và tham vọng, tin tức, người tài năng, kiến thức và học tập, tiền bạc. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh nâng cao 1.1 (Advanced English 1.1 ENTI3111): Học phần Tiếng Anh nâng cao 1.1 sử dụng giáo trình Life (Advanced) (bài 1-6) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: bài học trong cuộc sống, công việc, thiết kế cho cuộc sống, đổi mới và cơ thể. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Tiếng Anh nâng cao 1.2 (Advanced English 1.2 ENTI3211): Học phần Tiếng Anh nâng cao 1.2 sử dụng giáo trình Life (Advanced) (bài 7-12) của Paul Dummett, John Huges, và Helen Stephenson (2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm: phương tiện truyền thông kỹ thuật số, âm nhạc, đời sống xã hội, cảm xúc và mẹ thiên nhiên. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản (Information Technology Foundation INFO3511): Học phần bao gồm các kiến thức về cách tổ chức, xây dựng và khai thác CSDL cụ thể như: Tạo CSDL, cập nhật, truy vấn CSDL, tạo trigger, store procedure để khai thác và quản lý CSDL.

Kinh tế lượng (Econometrics AMAT0411): Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.

Giao tiếp trong kinh doanh (Communication in business EPIN0111): Người học sẽ được trang bị những kỹ thuật và phương pháp giao tiếp bằng: lời nói, văn bản, điện thoại, email, ngôn ngữ không lời, giao tiếp hệ thống truyền thông, mô hình truyền thông có hiệu quả trong kinh doanh. Đồng thời giúp người học có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư

duy sáng tạo để giải quyết các vấn đề này sinh trong quá trình giao tiếp kinh doanh; có kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong giao tiếp kinh doanh. Mang lại cho người học sự tự tin khi đối diện với những tình huống giao tiếp trong kinh doanh, kể cả các tình huống khó khăn và xử lý tốt các tình huống đó.

Giáo dục thể chất chung (Physical Education GDTC1611): Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất, cách phòng ngừa chấn thương kiểm tra đánh giá thể lực trong tập luyện TDTT, phương pháp rèn luyện thể chất. Học phần tích hợp sử dụng công cụ số để lập kế hoạch tập luyện và phân tích video kỹ thuật.

Cầu lông (Badminton GDTC0521): Môn học giới thiệu một số kiến thức về lịch sử ra đời, luật thi đấu, yếu lĩnh kỹ thuật và các động tác cơ bản nhất của Cầu lông.

Bóng chuyền (Volleyball GDTC0621): Những kiến thức cơ bản của môn Bóng chuyền (nguyên lý kỹ thuật, điều luật) tập luyện 03 kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền là: Chuyền bóng cao tay, chuyền bóng thấp tay và kỹ thuật di chuyển.

Bóng ném (Handball GDTC0721): Những hiểu biết cơ bản nhất về môn Bóng ném và thực hành các kỹ thuật cơ bản của Bóng ném.

Bóng bàn (Table tennis GDTC1621): Những kiến thức cơ bản của môn Bóng bàn (nguyên lý, kỹ thuật, điều luật) tập luyện 03 kỹ thuật cơ bản: Kỹ thuật giao bóng, kỹ thuật đánh bóng thuận tay và kỹ thuật đánh bóng trái tay. Biết ứng dụng công cụ số trong lập kế hoạch và phân tích kỹ thuật.

Cờ vua (Chess GDTC1721): Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học cờ vua về lý luận, kỹ năng thực hành 1 ván cờ vua, năng lực tổ chức thi đấu môn cờ vua. Học phần bao gồm các hoạt động số AI: Phương pháp áp dụng kỹ- chiến thuật, các đòn đánh, các nước đi mạnh nhất, nộp bài/nhật ký điện tử, sử dụng và đánh giá sơ bộ các ứng dụng AI để lập kế hoạch học tập của cá nhân.

Bóng rổ (Basketball GDTC0821): Những kiến thức cơ bản nhất của môn Bóng rổ: Chuyền và bắt bóng bằng hai tay trước ngực, kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật dẫn bóng lên rổ một tay trên cao, ném phạt.

Thể dục thẩm mỹ 1 (Aerobics 1 GDTC1811): Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển môn thể dục thẩm mỹ, lợi ích, tác dụng của việc tập luyện môn thể dục thẩm mỹ. Trang bị cho người học những động tác kỹ thuật ban đầu và phương pháp tập luyện dựa trên nền nhạc, động tác đơn giản dễ thực hiện và tự tập luyện với hiệu quả nhanh trong việc củng cố duy trì và nâng cao sức khỏe chung cho sinh viên và đồng thời giúp cho sinh viên nắm được các phương pháp tự tập luyện xây dựng và phát triển thể hình cân đối thẩm mỹ và khắc phục được những khiếm khuyết mất cân đối trên cơ thể, cụ thể về chiều cao – cân nặng – vòng vai – vòng ngực – bụng – vòng hông và vòng đùi.

Thể dục thẩm mỹ 2 (Aerobics 2 GDTC1911): Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lợi ích, tác dụng của việc tập luyện môn thể dục thẩm mỹ nâng cao. Trang bị cho người học những động tác kỹ thuật ban đầu và phương pháp tập luyện dựa trên nền nhạc, động tác đơn giản dễ thực hiện và tự tập luyện với hiệu quả nhanh trong việc củng cố duy trì và nâng cao sức khỏe chung cho sinh viên và đồng thời giúp cho sinh viên nắm được các phương pháp tự tập luyện xây dựng và phát triển thể hình cân đối thẩm mỹ và khắc phục được những khiếm khuyết mất cân đối trên cơ thể, cụ thể về chiều cao – cân nặng – vòng vai – vòng ngực – bụng – vòng hông và vòng đùi.

Cờ vua (Chess GDTC0921): Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn thể thao cờ vua: (Các kiến thức về lịch sử hình thành môn cờ vua, luật chơi, cờ tàn, cờ thế, các đòn thế phối hợp giai đoạn khai cuộc, giai đoạn khai trung cuộc của một ván cờ và một số lĩnh vực liên quan đến môn thể thao trí tuệ). biết cách ứng dụng các công cụ số để hỗ trợ học tập, theo dõi và tối ưu hóa quá trình tập luyện cờ vua. Hiểu được luật thi đấu, ghi chép biên bản trong các ván đấu, Thực hiện các bài tập chiếu hết, hòa cờ, giải được các bài tập bắt quân và

chiếu hết đơn giản, Làm được các bài tập theo chủ đề chiếu hết 1 - 2 nước các kỹ năng thi đấu cơ bản, Thực hành thi đấu theo luật. Hiểu thực hiện và định hình được một số biến hóa của một số dạng khai cuộc thoáng – nửa thoáng – kín, Thực hiện đánh được một số dạng thực cờ tàn, hiểu biết về các kiến thức cờ tàn cơ bản. Thực hiện giải quyết được các đòn thế phối hợp theo chủ đề (đòn bắt đôi, đòn phong tỏa, đòn sẵn bắt, đòn quá tải....). Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học cờ vua về lý luận, kỹ năng thực hành 1 ván cờ vua, năng lực tổ chức thi đấu môn cờ vua. Sử dụng các ứng dụng AI: Tìm ra các phương pháp áp dụng kỹ- chiến thuật, các đòn đánh, các nước đi mạnh nhất để giải các thế cờ.

Kinh tế học (Economics MIEC1031): Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học, bao gồm: cung - cầu về hàng hóa và dịch vụ, cơ chế hoạt động của thị trường, lý thuyết hành vi của doanh nghiệp, cấu trúc của các thị trường khác nhau trong nền kinh tế. Đồng thời, học phần cũng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS, đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả, tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, phân tích tác động chính sách kinh tế vĩ mô đến giá cả, sản lượng và việc làm trong nền kinh tế.

Chuyển đổi số trong kinh doanh (Digital Transformation in Business PCOM1111): Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh. Bên cạnh đó, học phần góp phần cụ thể hóa và đáp ứng quy định khung năng lực số của người học về chuyển đổi số, bao gồm: quy tắc ứng xử trên mạng (áp dụng chuẩn mực hành vi và bí quyết, cách khác nhau khi sử dụng công nghệ số), giải quyết các vấn đề kỹ thuật (đánh giá vấn đề và vận hành các thiết bị số), xác định nhu cầu và giải pháp công nghệ (đánh giá nhu cầu cá nhân, lựa chọn công cụ số và giải pháp công nghệ số phù hợp).

Thực tập nghề nghiệp (Internship KSDL2161): Học phần Thực tập nghề nghiệp tập trung vào tìm hiểu thực tế về những đặc điểm chung về doanh nghiệp khách sạn/sự kiện và dịch vụ giải trí; các sản phẩm dịch vụ của doanh nghiệp khách sạn/sự kiện và dịch vụ giải trí; Cơ cấu tổ chức và các chức danh nghề nghiệp của doanh nghiệp khách sạn/sự kiện và dịch vụ giải trí.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh (Artificial Intelligence for Business INFO6011): Là học phần bắt buộc nền tảng thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản ứng dụng của AI và nguyên tắc sử dụng AI một cách có đạo đức và trách nhiệm trong các hoạt động cụ thể. Đáp ứng được quy định của Bộ Giáo dục về khung năng lực số của người học về hiểu biết về trí tuệ nhân tạo AI. Cụ thể là: các kiến thức cơ bản về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, cách thức tổ chức và quản lý dữ liệu lớn, các công nghệ sử dụng và một số công cụ trong trí tuệ nhân tạo, và các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh khác nhau.

Quản trị học (Fundamentals of Management BMGM0531): Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

Marketing căn bản (Principles of Marketing BMKT3231): Học phần hình thành và sử dụng những kết quả của nghiên cứu và phân tích marketing của công ty thương mại, triển khai lựa chọn thị trường mục tiêu và hoạch định chiến lược marketing của công ty, xác lập và triển khai các quyết định marketing-mix và ứng xử các tác nghiệp công nghệ marketing thương mại trên thị trường. Thiết lập tổ chức marketing phù hợp với điều kiện kinh doanh hiện đại nhằm phát triển sức mạnh sáng tạo các giá trị gia tăng trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và nâng

cao năng lực cạnh tranh của công ty trên thị trường. Đồng thời học phần còn bao hàm các bài tập và tình huống cụ thể nhằm rèn luyện các kỹ năng điều tra khảo sát, phân tích hiện trạng và các giải pháp ứng xử trong thực tiễn kinh doanh hiện nay.

Nguyên lý quản trị nhân lực (Principles of Human Resource Management HRMG2531): Học phần này bao gồm các nội dung chính như: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực; các nội dung chính của quản trị nhân lực (phân tích công việc, tuyển mộ và tuyển chọn nhân lực, đào tạo và phát triển nhân lực, quản trị hiệu suất, quản trị đãi ngộ); các xu hướng trong quản trị nhân lực.

Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting ACCP0231): Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về kế toán bao gồm: định nghĩa về kế toán và các loại hình kế toán, giả định và nguyên tắc kế toán, đặc điểm định tính của thông tin tài chính, phương trình kế toán, chứng từ và tài khoản kế toán, sổ cái và giới thiệu về phần mềm kế toán, kế toán đám mây; bảng cân đối thử và báo cáo tài chính.

Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính (Money, Banking and Financial Market EFIN2812): Học phần cung cấp kiến thức cơ bản một cách hệ thống về hệ thống tài chính và tiền tệ, bao gồm hoạt động trong nước và hoạt động toàn cầu của hệ thống. Các khái niệm về tiền tệ, lạm phát và thị trường tài chính được thảo luận để nâng cao nhận thức của người học về các vấn đề tài chính cơ bản. Tiếp đó, chính sách tiền tệ và hoạt động của nó tại Việt Nam được giới thiệu và phân tích. Học phần cũng cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống ngân hàng.

Khởi sự kinh doanh (ntrepreneurship EPIN0211): Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

Phương pháp nghiên cứu khoa học (Scientific Research Methodology SCRE0211): Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

Quản trị dịch vụ (Service Management TEMG2911): Học phần Quản trị dịch vụ bao gồm các nội dung: Khái quát về quản trị dịch vụ; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.

Luật kinh tế 1 (Economic law 1 PLAW0321): Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và là học phần bắt buộc hoặc tự chọn của các chương trình đào tạo chuyên ngành khác tại Trường đại học Thương mại. Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.

Kinh doanh quốc tế (International Business ITOM1311): Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những tác động của bối cảnh đối với hoạt động kinh doanh quốc tế, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa, tự nhiên, công nghệ và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn

và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

Lý thuyết kinh tế số (Theory of digital economics DECO1011): Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về lý thuyết kinh tế số, bao gồm: Các khái niệm cơ bản về kinh tế số, nền kinh tế số, sự phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, các thành phần của hệ sinh thái nền kinh tế số; Các nguyên lý cơ bản của kinh tế số liên quan đến hàng hóa và dịch vụ số, các mô hình sản xuất, mô hình giá trị trong nền kinh tế số; Lý thuyết về hiệu ứng mạng, nền tảng đa phương, cơ chế phụ thuộc và rào cản chuyển đổi, sự hình thành độc quyền, sáp nhập và mua lại trong nền kinh tế số; Các thị trường số như thương mại điện tử, dịch vụ thông tin, thị trường truy cập mạng; Một số mô hình định lượng trong kinh tế số.

Cơ sở văn hóa Việt Nam (Basic Vietnamese Culture TMKT4511): Học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam có nội dung bao gồm: Khái quát về cơ sở văn hoá Việt Nam; Các thành tố của văn hoá Việt Nam; Tiến trình lịch sử của văn hoá Việt Nam; Vùng văn hóa Tây Bắc và Việt Bắc; Vùng văn hóa châu thổ Bắc Bộ và Trung Bộ; Vùng văn hóa Tây Nguyên và Nam Bộ.

Tài nguyên du lịch (Tourism Resources TMKT4811): Nội dung học phần Tài nguyên du lịch bao gồm: Khái quát về tài nguyên du lịch; tài nguyên du lịch tự nhiên; tài nguyên du lịch văn hóa; phân vùng du lịch; tài nguyên du lịch của các vùng du lịch Việt Nam; bảo vệ tài nguyên du lịch.

Quản trị lễ tân khách sạn (Hotel Front Office Management TSMG3511): Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về tổ chức hoạt động của bộ phận lễ tân; nghiệp vụ chào bán dịch vụ và đặt buồng; quy trình đăng ký khách sạn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách lưu trú; thủ tục trả buồng và kiểm toán đêm. Bên cạnh đó, học phần trang bị kiến thức chuyên sâu về quản trị tác nghiệp lễ tân; quản trị nhân lực và cơ sở vật chất kỹ thuật tại bộ phận lễ tân; quản trị doanh thu và đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ phận lễ tân.

Văn hóa du lịch (Cultural Tourism TMKT4911): Học phần Văn hóa du lịch cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Tổng quan về văn hóa du lịch; Văn hóa của khách du lịch; Xây dựng đạo đức kinh doanh và du lịch có trách nhiệm; Văn hóa trong xây dựng sản phẩm du lịch; Xây dựng văn hóa dịch vụ trong du lịch; Văn hóa trong marketing du lịch.

Du lịch bền vững (Sustainable Tourism TEMG3911): Học phần Du lịch bền vững bao gồm các nội dung: Khái quát về du lịch bền vững; các mục tiêu và nguyên tắc, chính sách và mô hình phát triển du lịch bền vững; đánh giá tính bền vững của du lịch và các tiêu chuẩn du lịch bền vững; quản lý du lịch bền vững; và phát triển các loại hình du lịch bền vững.

Tổng quan về sự kiện và dịch vụ giải trí (Introduction to Event and Entertainment Services TMKT5131): Nội dung học phần Tổng quan về tổ chức sự kiện và dịch vụ giải trí bao gồm: Khái quát về sự kiện và dịch vụ giải trí; lịch sử phát triển và cơ cấu ngành sự kiện và dịch vụ giải trí; phân loại sự kiện và dịch vụ giải trí; nhu cầu và xu hướng phát triển thị trường sự kiện và dịch vụ giải trí; các bên liên quan trong tổ chức sự kiện và dịch vụ giải trí; các mô hình kinh doanh và xu hướng thay đổi của mô hình kinh doanh sự kiện và dịch vụ giải trí; quản lý tổ chức sự kiện và dịch vụ giải trí bền vững.

Marketing sự kiện (Event Marketing TMKT5231): Học phần Marketing sự kiện bao gồm các nội dung sau: Tổng quan về marketing sự kiện, Phân tích hành vi khách hàng trong tổ chức sự kiện, Lập kế hoạch chiến lược marketing sự kiện, Ứng dụng các công cụ marketing-mix trong quản trị sự kiện, Quản trị khủng hoảng marketing sự kiện, Đo lường, đánh giá hiệu quả hoạt động marketing sự kiện.

Kinh tế du lịch (Tourism Economics TEMG3731): Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về kinh tế du lịch và vai trò của du lịch trong nền kinh tế quốc dân; Thị trường du lịch; Cán cân thanh toán và đầu tư trong du lịch; Công ty đa quốc gia trong du lịch; Lao động và vốn trong kinh doanh du lịch; và Hiệu quả kinh doanh du lịch

Quản trị công viên chủ đề (Theme Park Management TSMG4211): Nội dung của học phần bao gồm: Khái quát về quản trị công viên chủ đề; quản trị vận hành công viên chủ đề; quản trị các dịch vụ hỗ trợ (âm thực, bán lẻ, giải trí); quản trị trải nghiệm khách hàng; ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo trong công viên chủ đề; quản trị rủi ro, an toàn và an ninh trong công viên chủ đề.

Quản trị lễ hội và sự kiện văn hóa (Festival and Cultural Event Management TMKT5011): Nội dung học phần Quản trị lễ hội và sự kiện văn hóa bao gồm: Tổng quan về lễ hội và sự kiện văn hóa; Hoạch định chiến lược và phát triển ý tưởng cho lễ hội và sự kiện văn hóa; Lập kế hoạch tổ chức thực hiện và dự toán ngân sách cho lễ hội và sự kiện văn hóa; Quản trị vận hành và hậu cần tổ chức lễ hội và sự kiện văn hóa; Quản trị marketing và truyền thông tích hợp; Quản trị rủi ro trong tổ chức lễ hội và sự kiện văn hóa và Đánh giá và báo cáo tổng kết hoạt động tổ chức lễ hội và sự kiện văn hóa.

Hướng dẫn du lịch (Tour Guiding TMKT5331): Học phần Hướng dẫn du lịch bao gồm các nội dung sau: Tổng quan về hướng dẫn du lịch; Cơ cấu tổ chức điều hành hoạt động hướng dẫn; Quy trình cơ bản trong tổ chức hoạt động hướng dẫn; Công tác chuẩn bị cho hoạt động hướng dẫn tham quan; Phương pháp và kỹ năng hướng dẫn; Năng lực quản lý đoàn khách và xử lý tình huống trong quá trình hướng dẫn du lịch.

Quản trị sự kiện thể thao (Sport Event Management TSMG4311): Học phần Quản trị sự kiện thể thao là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành) trong chương trình đào tạo ngành Quản trị sự kiện và giải trí. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về thể thao và quản trị thể thao; Lập kế hoạch sự kiện thể thao; Tổ chức và triển khai sự kiện thể thao; Kiểm soát và đánh giá sự kiện thể thao; Quản trị truyền thông trong sự kiện thể thao; Quản trị rủi ro trong sự kiện thể thao.

Quản trị dịch vụ giải trí (Entertainment Service Management TSMG4431): Học phần Quản trị dịch vụ giải trí cung cấp kiến thức và kỹ năng quản trị theo một chu trình toàn diện và logic, đặt trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số. Nội dung được cấu trúc hệ thống bao gồm: Lập kế hoạch, tổ chức và vận hành, đánh giá và cải tiến, và quản trị nguồn lực trong dịch vụ giải trí. Học phần đặc biệt nhấn mạnh đến việc lồng ghép các yếu tố công nghệ, ứng dụng của Trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu vào quá trình ra quyết định quản trị.

Tổ chức sự kiện (Event Operations Management TMKT4711): Nội dung học phần Tổ chức sự kiện bao gồm: Tổng quan về tổ chức sự kiện, dự toán ngân sách và tài trợ sự kiện, sáng tạo nội dung và thiết kế sự kiện, lập kế hoạch nhân lực trong tổ chức sự kiện, hậu cần trong tổ chức sự kiện, nhận diện rủi ro và chuẩn bị xử lý rủi ro trong tổ chức sự kiện; tổ chức điều hành và kết thúc sự kiện, truyền thông marketing sự kiện.

Thực tập nghiệp vụ tổ chức sự kiện và dịch vụ giải trí (Event and Entertainment Operation Practice KSDL2261): Học phần Thực tập nghiệp vụ sự kiện và dịch vụ giải trí tập trung vào các nội dung gồm: Giới thiệu khái quát về doanh nghiệp sự kiện và dịch vụ giải trí; một số quy trình tác nghiệp cơ bản của doanh nghiệp kinh doanh sự kiện và dịch vụ giải trí; đánh giá và đề xuất hoàn thiện quy trình thực hiện quy trình tác nghiệp cơ bản của doanh nghiệp sự kiện và dịch vụ giải trí.

Thực tập quản trị tác nghiệp sự kiện và dịch vụ giải trí (Event and Entertainment Operation Management Practice KSDL2361): Học phần Thực tập Quản trị tác nghiệp sự kiện và dịch vụ giải trí bao gồm các nội dung sau: Giới thiệu khái quát về doanh nghiệp sự kiện và dịch vụ giải trí; Quản trị vận hành và quản trị trải nghiệm trong doanh nghiệp sự kiện và dịch vụ giải trí; Quản lý các nguồn lực trong doanh nghiệp sự kiện và dịch vụ giải trí; Đánh giá và đề xuất giải pháp hoàn thiện hoạt động quản trị tác nghiệp của doanh nghiệp sự kiện và dịch vụ giải trí.

Thực tập và viết Báo cáo dự án nhóm (Internship Project Report REPB2811): Học phần Thực tập tốt nghiệp và viết báo cáo dự án nhóm có những nội dung bao gồm: Những vấn đề

chung về doanh nghiệp khách sạn/sự kiện và dịch vụ giải trí; tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khách sạn/sự kiện và dịch vụ giải trí; từ đó phát hiện vấn đề từ thực tế và đề xuất vấn đề cần nghiên cứu tại doanh nghiệp khách sạn/sự kiện và dịch vụ giải trí.

Thực tập và viết Luận văn tốt nghiệp (Graduation Thesis LVVB2911): Học phần Thực tập và viết luận văn tốt nghiệp có nội dung bao gồm: Xác định cơ sở lý luận của vấn đề lựa chọn nghiên cứu trong doanh nghiệp khách sạn/sự kiện và dịch vụ vui chơi giải trí; Khảo sát, đánh giá thực trạng vấn đề nghiên cứu tại doanh nghiệp; Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện vấn đề nghiên cứu tại doanh nghiệp khách sạn/sự kiện và dịch vụ vui chơi giải trí.